THE INDIRECT SPEECH ACTS OF PRESENTATION IN AUTHOR'S WORD OF *THE TALE OF KIEU* (NGUYEN DU)

Duong Thi Thuy Vinh
TNU - University of Education

ARTICLE INFO

Received: 18/6/2023
Revised: 30/6/2023
Published: 30/6/2023

KEYWORDS

Language
Speech acts of presentation
Indirect
Author's words
The tale of Kieu

ABSTRACT

The tale of Kieu is an outstanding work of the great poet Nguyen Du. The question is why Truyen Kieu is not a copy, it has become an outstanding work although borrowing the plot of *Kim Van Kieu truyen* (*Thanh Tam Tai Nhan*). It is because of Nguyen Du's enthusiasm and magical creativity in every word. In order to contribute to the elucidation of Nguyen Du's artistic talent in using language, we carried out a survey, described and analysed the indirect speech acts of presentation in the author's words of Truyen Kieu. Based on the theory of speech acts, applying the text analysis method and some other methods, this research showed that the indirect speech acts of presentation in the narrator's words were very commonly used by the author. This form of expression plays an important part in revealing the author's attitude and feelings in the role of the narrator. Thus, the indirect speech acts of presentation in the author's words have contributed to helping *The tale of Kieu* acquire unique values, becoming a masterpiece of Vietnam and humanity.

HÀNH ĐỘNG TRÌNH BÀY GIÁN TIẾP TRONG LỜI TÁC GIẢ CỦA TÁC PHẨM *TRUYỆN KIỀU* (NGUYỄN DU)

Dương Thị Thúy Vinh
Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 18/6/2023
Ngày hoàn thiện: 30/6/2023
Ngày đăng: 30/6/2023

TỪ KHÓA

Ngôn ngữ
Hành động trình bày
Gián tiếp
Lời tác giả
Truyện Kiều

TÓM TẮT

Truyện Kiều là một tác phẩm kiệt xuất của đại thi hào Nguyễn Du. Vấn đề đặt ra là tại sao tuy mượn cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* (*Thanh Tâm Tài Nhân*) nhưng *Truyện Kiều* không phải là bản sao mà lại trở thành một tác phẩm kiệt xuất? Đó là bởi tâm huyết và sức sáng tạo kì diệu của Nguyễn Du trong từng câu chữ. Để góp phần làm sáng tỏ tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc sử dụng ngôn ngữ, chúng tôi tiến hành khảo sát, miêu tả và phân tích hành động trình bày gián tiếp trong lời tác giả của tác phẩm *Truyện Kiều*. Dựa vào lí thuyết hành động ngôn ngữ, trên cơ sở áp dụng phương pháp phân tích văn bản và một số phương pháp, thủ pháp khác, nghiên cứu này cho thấy, các hành động trình bày gián tiếp trong lời người dẫn truyện được tác giả sử dụng rất phổ biến. Hình thức thể hiện này đóng vai trò quan trọng trong việc bộc lộ thái độ, tình cảm của tác giả, trong vai trò của người dẫn truyện. Như vậy, các hành động trình bày gián tiếp trong lời tác giả đã góp phần giúp *Truyện Kiều* có được những giá trị đặc sắc, trở thành một kiệt tác của văn học Việt Nam và nhân loại.

DOI: https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8167

Email: vinhdtt@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Như chúng ta đã biết, hành động ngôn ngữ (hay hành vi ngôn ngữ, hành động nói, hành động ngôn từ) là một loại hành động của con người và được người nói hay người viết thực hiện bằng ngôn ngữ khi phát ra một lời nói, một câu văn. Các hành động ngôn ngữ thường được phân biệt theo một số loại khác nhau. Nhà ngôn ngữ học J. R. Searle đã phân biệt năm nhóm lớn: *trình bày, điều khiển, cam kết, biểu cảm và tuyên bố* [1,tr. 238-259].

Mặt khác, theo cách thức thực hiện, các hành động ngôn ngữ (HĐNN) còn được các nhà ngôn ngữ học phân biệt thành HĐNN trực tiếp và HĐNN gián tiếp. Trong HĐNN trực tiếp có sự thống nhất giữa hình thức và chức năng còn ở HĐNN gián tiếp thì không có sự thống nhất như vậy mà đó là cách dùng hình thức của HĐNN này để thực hiện chức năng của HĐNN khác.

Về đơn vị câu, người ta có thể nghiên cứu trên nhiều phương diện. Và ở phương diện sử dụng, mỗi câu cụ thể gắn với hoàn cảnh giao tiếp, mục đích giao tiếp,... được gọi là phát ngôn (PN). Nói cách khác, phát ngôn chính là câu trong hoạt động giao tiếp [2, tr. 111]. Vì thế, muốn tìm hiểu câu ở phương diện sử dụng thì phải nắm được phương diện cấu tạo ngữ pháp của câu. Trong nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Tiến, Dương Thị Thuý Vinh [3], các tác giả đã tìm hiểu về cách phân loại câu theo mục đích nói và mối quan hệ giữa câu phân loại theo mục đích nói với hành động ở lời. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đưa ra một số kết luận về mối quan hệ giữa câu trình bày và hành động trình bày. Ngoài ra, dựa vào lí thuyết hành động ngôn ngữ, một số HĐNN (hoặc hành vi ngôn ngữ) cũng được các nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu như: "Hành vi ngôn ngữ trách trong tiếng Việt" [4], "Phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung trong lời cảnh cáo của người Việt" [5], "Cảm thông và thông cảm" [6]. Tuy nhiên, chưa có bài viết nào đề cập đến hành động trình bày gián tiếp trong tiếng Việt nói chung và *Truyện Kiều* nói riêng.

Truyện Kiều (Nguyễn Du) [7] từ lâu đã được biết đến với tư cách là một kiệt tác của văn học Việt Nam. Các giá trị về nội dung và nghệ thuật của *Truyện Kiều* đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm khai thác. Về phương diện HĐNN, tác giả Bùi Minh Toán có bài viết về Lí thuyết hành động ngôn ngữ với đoạn thơ "Trao duyên" trong Truyện Kiều [8], tác giả Dương Thị Thuý Vinh trong [9] - [12] đã tìm hiểu về HĐNN với việc thể hiện con người của các nhân vật Từ Hải, Sở Khanh và tìm hiểu về "Phát ngôn hỏi trong Truyện Kiều với việc biểu thị các hành động ngôn ngữ gián tiếp", "Một vài nhận xét về cách thể hiện gián tiếp các hành động ngôn ngữ của tác phẩm *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) và tác phẩm *Kim Vân Kiều truyện* (Thanh Tâm Tài Nhân)". Như vậy, vấn đề hành động trình bày gián tiếp lời tác giả của *Truyện Kiều* mặc dù đã được nhắc đến ở một số công trình nhưng chỉ với mức độ sơ lược, khái quát. Việc nghiên cứu đầy đủ, có hệ thống và sâu hơn về vấn đề này là cần thiết, có ý nghĩa. Trên cơ sở đó, trong bài viết này, chúng tôi muốn bàn thêm về giá trị của tác phẩm và tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc sử dụng ngôn ngữ thông qua việc nghiên cứu về hành động trình bày gián tiếp trong lời tác giả.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

2.1. Phương pháp phân tích văn bản (phân tích diễn ngôn)

Nội dung của phương pháp này là đặt diễn ngôn trong ngữ cảnh sử dụng của nó để xác định mục đích phát ngôn - hành động ngôn ngữ mà nó thực hiện.

2.2. Phương pháp miêu tả

Phương pháp này được sử dụng để miêu tả hành động trình bày gián tiếp trong lời tác giả về các mặt: số lượng, các loại, tính chất, cách biểu hiện và vai trò đối với việc khắc họa tính cách nhân vật và thể hiện tư tưởng của tác giả.

Đồng thời, chúng tôi cũng sử dụng những thủ pháp phổ biến trong nghiên cứu khoa học như:

2.3. Thủ pháp thống kê

Nội dung của thủ pháp này là thống kê các hành động ngôn ngữ trong lời tác giả của tác phẩm *Truyện Kiều*. Nguồn tư liệu thống kê là tác phẩm *Truyện Kiều* của tác giả Nguyễn Du trong cuốn tài liệu [7].

2.4. Thủ pháp hệ thống

Nội dung của phương pháp này là xem xét các hành động ngôn ngữ trong mối quan hệ với tác giả, với các chủ thể phát ngôn.

2.5. Thủ pháp tổng hợp

Nội dung của phương pháp này là từ việc thống kê, phân tích, phân loại, so sánh các hành động ngôn ngữ, tiến hành tổng hợp, tìm ra những đặc điểm về cách sử dụng trực tiếp và gián tiếp trong lời tác giả để rút ra kết luận, nhận xét chung về hành động ngôn ngữ trình bày gián tiếp trong lời của tác giả.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Vài nét về câu trình bày và hành động trình bày

Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Mạnh Tiến, Dương Thị Thuý Vinh [7], câu trình bày và hành động trình bày được xác lập mối quan hệ và phân chia cụ thể.

3.1.1. Câu trình bày

a. Câu trình bày điển hình

Loại câu này biểu thị các hành động ở lời thuộc *Lớp biểu hiện* (theo cách phân loại của J.Searle) [1, tr. 238]. Câu trình bày biểu thị sự thông báo hay ý xác nhận một sự việc đã, đang, sẽ diễn ra hoặc không diễn ra theo sự hiểu biết, suy nghĩ của người nói. Thuật ngữ *câu trình bày* có nội dung về cơ bản tương ứng với các thuật ngữ *câu trình bày, câu tường thuật, câu kể* trong ngữ pháp học truyền thống nhưng có nghĩa rộng hơn. Câu trình bày bao gồm những kiểu cụ thể phổ biến như:

- Trình bày (kể lại) một sự việc. Ví dụ:

(1) *Tóc tơ căn vặn tấc lòng*
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
(451-452) [7,tr. 467]

PN trên kể lại hoạt động hội thoại giữa Kim Trọng và Thuý Kiều trong đó hai người thề nguyền đính ước với nhau.

- Dự báo về một sự việc sẽ diễn ra. Ví dụ:

(2) Thưa rằng*: lượng cả bao dong*
Tấn dương được thấy mây rồng có phen. (2195-2196) [7, tr. 523]

Đây là lời dự báo của Thuý Kiều về việc Từ Hải sẽ thành công, làm nên sự nghiệp lẫy lừng.

- Miêu tả người, cảnh vật. Ví dụ:

(3) *Cỏ non xanh tận chân trời,*
Cành lê trắng điểm một vài hông hoa. (41-42) [7, tr 454]

PN này miêu tả cảnh thanh minh trong tiết tháng ba, khi chị em Thuý Kiều đi chơi xuân.

- Nhận định về một tình hình, quy luật. Ví dụ:

(4) *Lạ gì bỉ sắc tư phong,*
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen." (5-6) [7, tr. 453]

Đây là lời nhận định của tác giả về một quy luật trong cuộc sống, đó là "dồi dào về cái này thì kém cỏi về cái kia" [7, tr. 35]. Chính vì vậy, lạ gì chuyện người đàn bà đẹp khiến cho trời xanh cũng phải ghen ghét nên thường an bài cho số phận khổ đau.

Câu trình bày tồn tại ở hai dạng: khẳng định và phủ định.

- Dạng khẳng định. Ví dụ:

(5) *Ngẫm hay muôn sự tại trời,*
Trời kia đã bắt làm người có thân. (3241-3222) [7, tr. 557]

- Dạng phủ định. Ví dụ:

(6) Khi 3 chị em Thúy Kiều đứng trước mộ Đạm Tiên, Vương Quan có sử dụng PN trình bày dạng phủ định:

Trải bao thỏ lặn ác tà,
Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm. (79-80) [7, tr. 455]

b. Câu trình bày không điển hình

- Việc xác định, phân tích các loại câu phân loại theo mục đích nói không điển hình khá phức tạp và còn ít được chú ý. Chưa có điều kiện nghiên cứu đầy đủ về các loại câu này, ở đây, chúng tôi chỉ xin đề cập đến loại phổ biến đã được thừa nhận tương đối rộng rãi. Đó là câu trình bày không điển hình. Loại câu này thể hiện hai hành động ở lời: *hành động trực tiếp - thứ yếu* và *hành động gián tiếp - chính yếu* [7].

- Câu trình bày - cầu khiến (yêu cầu, đề nghị). Ví dụ:

(7) *Ở đây âm khí nặng nề*
Bóng chiều đã ngả dặm về còn xa. (113-114) [7, tr. 456]

PN trên có dạng PN trần thuật. Tuy nhiên, khi dựa vào ngữ nghĩa, hoàn cảnh giao tiếp, các thao tác suy ý… chúng ta hoàn toàn có thể hiểu đây là lời của Vương Quan khuyên Thúy Kiều và Thúy Vân nên về nhà.

- Câu trình bày - nghi vấn. Ví dụ:

(8) *Khen cho những miệng dông dài*
Bướm ong lại đặt những lời nọ kia. (1585-1586) [7, tr 504]

Hoạn Thư muốn dò hỏi Thúc Sinh về chuyện trăng hoa bên ngoài, muốn biết thái độ và ý tứ của Thúc Sinh để liệu cách xử lý.

- Câu trình bày - cảm thán. Ví dụ:

(9) *Một ngày lạ thói sai nha*
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền. (597-598) [7, tr. 472]

Kết quả phân loại trên đây cho thấy sự tương ứng giữa các loại câu phân loại theo mục đích nói và các hành động ngôn ngữ ở lời. Nếu nhìn từ góc độ hành động ở lời thì có thể biểu thị sự tương ứng giữa hai phạm trù này qua bảng 1 [3].

Bảng 1. *Sự thể hiện các hành động ở lời qua câu trình bày*

Hoạt động trình bày (biểu hiện)	Sự thể hiện qua câu trình bày
Hành động trực tiếp - chính yếu	Câu trình bày điển hình (chính danh)
Hành động trực tiếp - thứ yếu	Câu trình bày không điển hình (câu trình bày - cầu khiến, câu trình bày - nghi vấn, câu trình bày - cảm thán)
Hành động gián tiếp - chính yếu	Câu nghi vấn không điển hình (câu nghi vấn - khẳng định, câu nghi vấn phủ định)

3.1.2. Các phương tiện (dấu hiệu ngôn hành) thể hiện hành động ở lời

Các phương tiện thể hiện hành động ở lời (còn được gọi là các *dấu hiệu ngôn hành*) thường được hiểu là những phương tiện ngôn ngữ được người nói, người viết sử dụng để thể hiện và làm căn cứ để người nghe (người đọc) nhận diện đích ở lời (lực ngôn trung) của câu. Các phương tiện này bao gồm: *các vị từ ngữ vi (vị từ ngôn hành), các từ ngữ chuyên dụng, các kết cấu chuyên dụng, ngữ điệu, quan hệ giữa nội dung mệnh đề và ngữ cảnh* [13, tr. 25]. Theo các nhà nghiên cứu, mỗi loại hành động ở lời thường có các phương tiện đặc trưng. Riêng ở hành động trình bày, phương tiện chủ yếu thể hiện là *quan hệ giữa nội dung và mệnh đề ngữ cảnh*. Vì các phương tiện từ ngữ đặc trưng hầu như vắng mặt ở câu trình bày nên Diệp Quang Ban cho rằng câu trình bày (thể hiện hành động trình bày) là kiểu câu "không đánh dấu" hay có "biểu thức zero" [14,tr. 211].

3.2. Hành động ngôn ngữ trình bày gián tiếp trong lời tác giả

3.2.1. Khái quát về hành động ngôn ngữ trình bày gián tiếp trong lời tác giả

Căn cứ vào dấu hiệu hình thức của câu, có thể chia 3254 câu thơ *Truyện Kiều* thành 1713 PN, trong đó có 705 PN được dùng gián tiếp, chiếm khoảng 41,15%. Số lượng từng kiểu PN cụ thể được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. *Phân loại HĐNN theo kiểu phát ngôn*

Kiểu PN / Kiểu HĐ	PN trình bày	PN hỏi	PN cầu khiến	PN cảm thán	Tổng số
Trực tiếp	868	29	51	60	1008
Gián tiếp thực hiện các HĐNN khác	340	320	5	40	705
Tổng số	**1208**	**349**	**56**	**100**	**1713**

Xét theo chủ thể PN, hành động ngôn ngữ gián tiếp (GT) được phân bố cụ thể trong bảng 3.

Bảng 3. *Phân loại HĐNN GT theo chủ thể phát ngôn*

STT	Tác giả/ Nhân vật	Tổng số PN GT thực hiện HĐNN khác	HĐNN GT qua PN			
			Trình bày	Điều khiển	Cảm thán	Cam kết/ Tuyên bố
1	Tác giả	141	46	95	0	0
2	Thuý Kiều	280	146	119	15	0
3	Kim Trọng	65	32	29	4	0
4	Thúc Sinh	37	16	17	4	0
5	Hoạn Thư	30	19	10	1	0
6	Từ Hải	21	10	10	1	0
7	Vương ông	19	11	8	0	0
8	Tú Bà	18	10	6	2	0
9	Tam hợp đạo cô	10	9	1	0	0
10	Sở Khanh	9	1	6	2	0
11	Bạc Bà	9	7	2	0	0
12	Thúc Ông	9	4	2	3	0
13	Thúy Vân	8	6	1	1	0
14	Đạm Tiên	8	3	4	1	0
15	Giác Duyên	8	6	2	0	0
16	Mã Giám Sinh	6	4	2	0	0
17	Vương Quan	5	2	2	1	0
18	Hồ Tôn Hiến	5	3	2	0	0
19	Mã Kiều	4	1	2	1	0
20	Hoạn Bà	4	2	0	2	0
21	Quản gia nhà Hoạn Thư	3	1	2	0	0
22	Vương bà	2	0	1	1	0
23	Người đàn Việt	1	0	0	1	0
24	Đạo nhân	1	0	1	0	0
25	Lại già họ Đô	1	0	1	0	0
26	Mụ mối	1	1	0	0	0
		705	340	325	40	0

Tác giả trong vai trò là người dẫn truyện đã sử dụng 46/ 141 PN trình bày gián tiếp. 41 PN này được dùng để chỉ các HĐNN khác như HĐ điều khiển, biểu cảm, tuyên bố. Số lượng cụ thể từng loại HĐ mà PN trình bày trong lời tác giả biểu thị được trình bày trong bảng 4.

Bảng 4. *Phân loại HĐNN GT qua PN trình bày*

HĐNN GT qua PN trình bày		Điều khiển	Biểu cảm	Cam kết	Tuyên bố
Truyện Kiều	Số lượng (340)	120	197	0	23
Tác giả	46	5	41	0	0

3.2.2. Hành động trình bày gián tiếp trong lời của tác giả

Trong tác phẩm, theo thống kê ở bảng 3, Nguyễn Du chỉ sử dụng PN trình bày để thể hiện HĐ điều khiển, biểu cảm mà không dùng PN trình bày để gián tiếp thực hiện các HĐNN khác như cam kết, tuyên bố. Lý giải cho điều này, chúng ta thấy HĐ cam kết và tuyên bố thường bộc lộ rất rõ ràng, cụ thể thái độ, tình cảm, quan điểm, cách nghĩ của người sử dụng, vì thế, chúng không thực sự phù hợp với vai trò khách quan của người kể chuyện - tác giả. Dưới đây, chúng tôi sẽ xem xét cụ thể các HĐNN GT qua PN trình bày trong lời tác giả.

Các PN trình bày trong lời tác giả chủ yếu được sử dụng gián tiếp để hỏi, khuyên nhủ hoặc bộc lộ sự đau đớn, xót xa trước những ngang trái, bất công của xã hội, trước số phận con người và gián tiếp bộc lộ cả sự ca ngợi, tán dương trước những điều tốt đẹp của cuộc sống. PN trình bày là kiểu PN có khả năng hướng đến nhiều đích khác nhau khi giao tiếp. Vì thế, khi sử dụng kiểu PN này, tác giả có thể bộc lộ được nhiều hơn thái độ, tâm trạng của bản thân và của nhân vật.

a. Phát ngôn trình bày gián tiếp thể hiện hành động biểu cảm

** Phát ngôn trình bày gián tiếp thể hiện sự đau đớn, xót xa, tủi nhục:*

Đây là dòng cảm xúc bao trùm lên toàn bộ tác phẩm.

(10) *Ngại ngùng giợn gió e sương,*
Nhìn hoa bóng thẹn trông gương mặt dày. (635-636) [7,tr. 473)

PN trên không đơn thuần là miêu tả vẻ mặt của nhân vật vì thông qua các từ ngữ "ngại ngùng","giợn gió e sương","mặt dày" mà tác giả sử dụng, ta thấy được tâm trạng đau đớn, xót xa, tủi nhục của Thúy Kiều trước hành động "vén tóc, bắt tay" của mụ mối và cũng thấy được sự xót xa của tác giả khi để một người như Thuý Kiều trở thành món hàng cho Mã Giám Sinh định giá.

** Phát ngôn trình bày thể hiện sự ca ngợi:*

Đây là tình cảm ngưỡng mộ, tán dương của tác giả dành cho các nhân vật chính diện: Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải và cuộc tình của họ. Cung bậc cảm xúc này chiếm số lượng không lớn trong PN trình bày, chỉ với 2 PN nhưng đã phần nào diễn tả được thái độ tình cảm của nhà thơ.

(11) *Người quốc sắc kẻ thiên tài*
Tình trong như đã mặt ngoài còn e. (163-164) [7, tr. 458]

(12) *Trai anh hùng gái thuyền quyên*
Phỉ nguyền sánh phượng đẹp duyên cưỡi rồng. (2211-2212) [7, tr. 523]

Thông qua những cặp từ đối sánh tương đồng: "quốc sắc - thiên tài", "trai anh hùng - gái thuyền quyên", "đẹp duyên", tác giả bày tỏ thái độ ca ngợi, tán dương sự xứng đôi vừa lứa của Thuý Kiều - Kim Trọng, Thuý Kiều - Từ Hải.

b. Phát ngôn trình bày gián tiếp thể hiện hành động điều khiển

Số lượng PN trình bày thể hiện hành động điều khiển không nhiều. Đó có thể là lời khuyên bảo nhẹ nhàng hoặc là lời nhắc nhở của tác giả dành cho người đọc:

(13) *Thiện căn ở tại lòng ta,*
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. (3251-3252) [7, tr. 557]

Đây là lời khẳng định: Khi ta có tấm lòng, có cái tâm thì ta sẽ luôn được hướng thiện, luôn được "phúc lộc dồi dào" bởi "chữ tâm bằng ba chữ tài" nhưng cũng là lời khuyên nhủ con người ta cần sống "có tâm".

3.3. Vai trò của hành động trình bày gián tiếp trong việc thể hiện thái độ của tác giả

Truyện Kiều là tâm huyết của Nguyễn Du. Thông qua tác phẩm, ông đã gửi gắm biết bao tâm trạng băn khoăn, những suy nghĩ, trăn trở của mình. Thông qua việc xây dựng hình tượng các nhân vật, Nguyễn Du muốn gửi gắm tình cảm, cảm xúc của mình đối với các nhân vật và thể hiện thái độ của bản thân với xã hội đương thời.

3.3.1. Thái độ của tác giả với các nhân vật

Đối với nhân vật Thúy Kiều, tác giả bộc lộ niềm cảm thương sâu sắc cho số kiếp tài hoa bạc phận. Trong 15 năm phiêu bạt sóng gió, những dòng suy nghĩ của Thúy Kiều đều được viết lên

bởi một tấm lòng nhân đạo sâu sắc, một tình cảm xót thương vô hạn. Và những câu nói của Kiều cũng chính là nỗi lòng của Nguyễn Du. Ông đã hóa thân vào nhân vật, đau nỗi đau của nhân vật, buồn vui sướng khổ cùng nhân vật.

Nhân vật Từ Hải thể hiện ước mơ của tác giả về một xã hội công bằng, là người cầm cán cân công lí bảo vệ chính nghĩa. Chính vì vậy, tác giả đã dùng những lời lẽ tán dương, ca ngợi, ngưỡng mộ khí phách của chàng, từ đó thể hiện niềm yêu mến, ưu ái đối với nhân vật [9].

Nếu các nhân vật chính diện - những người đại diện cho cái đẹp, lẽ phải, khát vọng tình yêu, hạnh phúc - tác giả dùng những lời lẽ ca ngợi thì đối với các nhân vật phản diện, tác giả lại tỏ thái độ khinh miệt, mỉa mai, giễu cợt (nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh), căm ghét hạng người làm những nghề thiếu tính người, những người gian ngoan, quỷ quyệt [10].

3.3.2. Thái độ của tác giả với xã hội đương thời

Nguyễn Du sống trong xã hội ô hợp, tệ nạn mua quan bán tước, đồng tiền lên ngôi. Đồng tiền là cán cân công lí, có thể làm đảo lộn tình thế, có thể làm cho một người sống hoặc chết. Trong *Truyện Kiều*, đồng tiền cũng là nguyên nhân gây tan nát gia đình Kiều và đẩy nàng từ ánh sáng vào bóng tối, từ hạnh phúc đến tủi nhục, từ kiếp người thành kiếp vật.

Sống trong xã hội, với bao bất công ngang trái, cảnh đời éo le, Nguyễn Du đồng cảm, xót thương cho những số phận thấp hèn, những kiếp người thấp cổ bé họng. Nỗi đau ở đây là nỗi đau của một tấm lòng nhân đạo cao cả, của một trái tim rực lửa yêu thương, căm ghét xấu xa cường quyền. Trong 10 năm sống kiếp bụi trần, ông đã nhìn ra bản chất xã hội. Đó là xã hội bất công ngang trái trà đạp lên quyền con người, trà đạp lên danh dự nhân phẩm của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Họ bị khinh rẻ, hắt hủi, bị coi là món hàng, thứ đồ chơi để mua qua bán lại. Số phận của Kiều là tiêu biểu cho số phận người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến. Thông qua đó, tác giả muốn tố cáo xã hội đương thời: xã hội mục rũa, thối nát với bao hủ bại, tệ nạn... Từ đó, tác giả bày tỏ thái độ đề cao con người, bênh vực con người, cảm thông cho những mảnh đời bất hạnh và thay họ nói lên tiếng nói đòi quyền sống, quyền tự do, tình yêu, hạnh phúc.

Thông qua nhân vật Từ Hải, tác giả cũng bày tỏ ước mơ về một xã hội tốt đẹp. Có thể nói, trong xã hội đầy những hoen ố, Từ Hải hiện lên hiên ngang, sừng sững, đầy khí phách như một ngôi sao băng vụt sáng rồi tắt.

(14) *Phong trần mài một lưỡi gươm,*
Những loài giá áo túi cơm sá gì.
Nghênh ngang một cõi biên thùy,
Kém gì cô quả, kém gì bá vương! (2445-2448) [7,, tr. 531]

4. Kết luận

Qua việc tìm hiểu về hành động trình bày gián tiếp trong lời tác giả, chúng tôi đưa ra những kết luận sau:

Trước hết, trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã khai thác rất linh hoạt và sử dụng có hiệu quả PN trình bày. Trong đó, PN trình bày trong lời tác giả được sử dụng gián tiếp, hướng đến đích điều khiển và biểu cảm. Chính điều này làm cho PN có thêm lớp nghĩa hàm ẩn và coi đó như một luận điểm để đạt được đích giao tiếp.

Những PN trình bày được dùng gián tiếp trong tác phẩm là một trong những phương tiện quan trọng giúp người đọc hiểu rõ được về tính cách, thái độ, tình cảm của tác giả đối với các nhân vật và thể hiện thái độ với xã hội đương thời.

Thơ lục bát là thể loại thiên về tả tình, tả cảnh. Vì thế, khi sử dụng thể thơ này để kể chuyện, tác giả với tư cách là người dẫn truyện, khi muốn bộc lộ thái độ, tình cảm, cảm xúc lại cần sự thể hiện nhẹ nhàng, tế nhị, kín đáo. Và PN trình bày là một phương tiện hiệu quả giúp tác giả hướng đến những đích ở lời khác như điều khiển, biểu cảm.

Tuy mượn cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* nhưng *Truyện Kiều* không phải là bản sao bởi sức sáng tạo kì diệu của Nguyễn Du đã biến câu chữ tầm thường trở thành một tác phẩm kiệt xuất.

Nguyễn Du đã bỏ nhiều tình tiết rườm rà, dung tục và thêm vào nhiều đoạn kể chuyện, tả cảnh, tả tình ý vị khiến cho tác phẩm trở nên cân đối, hợp lí. Ngôn ngữ của tác giả và của các nhân vật cũng được cải biên, bổ sung, thay đổi làm cho vai trò của người dẫn truyện trong *Truyện Kiều* trở nên đặc biệt. Và một trong những phương tiện làm nên sự đặc biệt đó là các HĐNN trình bày gián tiếp. Có thể nói, các HĐNN GT nói chung, hành động trình bày gián tiếp nói riêng giống như một chất liệu thật hữu hiệu được Nguyễn Du sử dụng để "vẽ" và thổi hồn cho mỗi nhân vật làm cho mỗi nhân vật trở nên sống động, giống như đang diễn cho người đọc xem một thước phim quay chậm [12].

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCE

[1] C. D. Huu and T. M. Bui, *General Linguistics*, vol. 2. Education Publishing House, Ha Noi, 1993.

[2] H. X. Cao, *Vietnamese draft functional grammar*. Education Publishing House, Ha Noi, 2004.

[3] T. M. Nguyen and V. T. T. Duong, "Applying the classification of speech acts to classify sentences according to the purpose of speech," *Journal of Linguistics and Life*, vol. 3, no. 323, pp. 20-28, 2022.

[4] H. T. Nguyen, "Indirect speech act *trach (reproach)* in Vietnamese," *HNUE Journal of Science, Social Science*, vol. 65, no. 8, pp. 119-128, 2020.

[5] N. T. T. Nguyen, "The illocutionary force indicating devices of Warning in Vietnamese," *Journal of Dictionaries and Encyclopedias*, no. 5, pp. 103-106, 2019.

[6] H. B. T. Nguyen, "To appreciate and to sympathize," *Journal of Linguistics and Life*, vol. 8, no. 288, pp. 101-104, 2019.

[7] A. D. Dao, *Dictionary of The tale of Kieu*. Social Sciences Publishing House, Ha Noi, 1974.

[8] M. T. Bui, "The theory of speech act with the poem "Trao duyen" of Truyen Kieu," *Journal of Linguistics and Life*, vol. 5, no. 175, pp. 4-8, 2010.

[9] V. D. T. Duong, "Looking back to Tu Hai in the light of linguistic action theory," *Proceedings of the National Linguistics Workshop 2013: "Linguistics and Literature"*, 2013, pp. 940-944.

[10] V. D. T. Duong, "Linguistic and human actions of So Khanh in *The tale of Kieu*," *Journal of Linguistics and Life*, vol. 6, no. 212, pp. 32-35, 2013.

[11] V. T. T. Duong, "Question utterances in *The tale of Kieu* that denote indirect speech acts, *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 105, no. 05, pp. 185-191, 2013.

[12] V. T. T. Duong, "Discussing the values of *The tale of Kieu* (Nguyen Du) through comparing the use of indirect speech acts in this word with that in *The tale of Kim Van Kieu* (Thanh Tam Tai nhan)," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 07, pp. 570-576, 2020.

[13] N. N. T. Nguyen, *The inperative speech acts in Vietnamese*. National University Publishing House, Ha Noi, 2016.

[14] B. Q. Diep, *Vietnamese grammar*, vol. 2. Education Publishing House, Ha Noi, 2003.